

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày: 30/11/2018

V/v Khiếu kiện hành vi không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Minh Tuấn**

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Điền

Bà Lê Thúy Cầu

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Hoàng Hải An** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông Lê Phước Thanh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 81/2017/TLPT-HC ngày 22 tháng 11 năm 2017 về việc “Khiếu kiện hành vi không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2017/HC-ST ngày 25/9/2017 của
Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 81B/2017/QĐ-PT ngày 14 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà **Nguyễn Thị H** và ông **Nguyễn Hồng V** Cùng địa chỉ: Thôn 14, xã Đ, huyện K, tỉnh Kon Tum. Ông V có mặt, bà H vắng mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Luật sư **Lê Văn H**, Văn phòng luật sư L, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Kon Tum.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Văn L – Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện K, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Công ty cổ phần đầu tư phát triển D; địa chỉ: 129 Bà Triệu, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trường V1 – Trưởng phòng kế hoạch của Công ty. Có mặt.

3.2. Anh Nguyễn Văn I. Vắng mặt.

3.3. Chị Nguyễn Thị T. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn 14, xã Đ, huyện K, tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18/4/2017 và đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 27/4/2017, các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người khởi kiện anh Nguyễn Hồng V đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà Nguyễn Thị H trình bày:

Cuối năm 2001 đầu năm 2002, mẹ tôi là bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968 có khai hoang lô đất, diện tích khoảng 05 ha tại vị trí các khu vực ven suối, bờ khe tại Thôn 12, xã Đ1, huyện K, tỉnh Kon Tum (thuộc tiểu khu 550). Thời điểm đó mẹ tôi có thuê anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1979 là người cùng Thôn 14, xã Đ phụ giúp gia đình tôi khai hoang (làm thuê cho gia đình tôi). Ngoài anh D thì còn có ông Nguyễn Văn B và bà Phùng Thị H là người Thôn 14, xã Đ biết rõ việc khai hoang và canh tác của nhà tôi.

Gia đình tôi canh tác ổn định cho đến năm 2006 thì có quyết định của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Kon Tum cho Công ty TNHH D, nay là Công ty cổ phần đầu tư phát triển D (Công ty D) thuê với mục đích trồng cao su. Trong quá trình triển khai dự án Công ty D có về làm việc với nông dân sản xuất và chính quyền địa phương xã Đ1. Tại biên bản cuộc họp giữa Công ty D và chính quyền, mặt trận xã Đ1 vào lúc 15h30' ngày 12/11/2006 đã thống nhất một số nội dung như:

- Trong quá trình thực hiện dự án đơn vị thực hiện dự án không được làm, ảnh hưởng tới những khu vực đất nông nghiệp mà nhân dân đang canh tác và

những khu vực đã được cấp quyền sử dụng đất như thông báo của UBND huyện K.

- Khu vực đất ven suối lớn và nhỏ có khả năng khai hoang làm ruộng nước 1 vụ hoặc 2 vụ khi thi công trừ lại phần diện tích đất từ mép suối lên mỗi bên 100m để cho nhân dân khai hoang có đất sản xuất.

Trong quá trình Công ty D thi công thì có một số hộ dân đã thừa cơ hội lấn đất, khi đó Công ty D đã có đơn khiếu nại gửi UBND huyện K. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện K đã kiểm tra thực địa, xác minh và đã có văn bản kết luận những hộ dân đã lấn chiếm đất của công ty, buộc những hộ đó phải trả lại đất cho công ty và tuyên bố không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ). Tại báo cáo kết quả ngày 01/6/2011 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện K có danh sách 09 hộ lấn chiếm, hộ chúng tôi không có tên trong danh sách này.

Khi thấy có chủ trương làm thủ tục cấp GCNQSDĐ, gia đình tôi cũng làm đơn lên chính quyền địa phương xin được cấp GCNQSDĐ nhưng không được chính quyền địa phương cấp GCNQSDĐ. Trong khi cùng làm thủ tục trong thời điểm đó, các hộ liền kề và xung quanh gia đình tôi nay đều đã được cấp GCNQSDĐ, thậm chí có những hộ, những người tới sau gia đình tôi và những người ở nơi khác tới mua đất cũng được cấp GCNQSDĐ. Thấy vậy gia đình tôi đã nhiều lần đến trực tiếp cũng như làm đơn gửi đến các cơ quan có thẩm quyền để được xem xét và giải quyết nhưng các cán bộ, cơ quan đều gây khó dễ, kéo dài thời gian, thậm chí còn thách thức chúng tôi đi kiện.

Xét thấy, diện tích đất này gia đình tôi đã sử dụng ổn định, lâu dài, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, đã canh tác 14 năm nay và không có tranh chấp. Hiện tại lô đất này gia đình tôi đang trồng mì và xung quanh có ruộng lúa nước hai vụ nằm sát khe suối. Như vậy, gia đình chúng tôi phải được xem xét và được cấp GCNQSDĐ. Nay tôi đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xét xử buộc UBND huyện K phải tiến hành các thủ tục cần thiết để cấp GCNQSDĐ đối với diện tích đất mà gia đình tôi đã khai phá, canh tác, sử dụng liên tục từ năm 2002 đến nay.

Tại bản tự khai ngày 26/5/2017, ngày 02/6/2017, ngày 13/9/2017, biên bản đối thoại và tại phiên tòa, người đại diện của người bị kiện UBND huyện K trình bày:

Tháng 5/2015, hộ gia đình bà Nguyễn Thị H (mẹ ruột của anh Nguyễn Hồng V) có nhu cầu cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất gia đình bà đang canh tác tại Tiểu khu 550 thuộc Thôn 12, xã Đ1, huyện K, tỉnh Kon Tum và đã liên hệ chính quyền xã để đề nghị đo đạc, lập thủ tục cấp GCNQSDĐ (tính đến trước tháng 5/2015 hộ gia đình bà Nguyễn Thị H không kê khai, đăng ký đất đai về thông tin thửa đất nêu trên với chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng của huyện theo quy định tại Điều 46 Luật đất đai năm 2003 trước đây và hiện nay theo quy định tại Điều 95 Luật đất đai năm 2013). UBND xã Đ1 phối hợp cùng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện tiến hành kiểm tra, đo đạc diện tích thửa đất của gia đình bà H, tiếp đó UBND xã Đ1 đã lập hồ sơ đề nghị cấp GCNQSDĐ cho gia đình bà Nguyễn Thị H. Trên cơ sở hồ sơ của UBND xã lập, các cơ quan chuyên môn đã tham mưu UBND huyện K cấp GCNQSDĐ số BU 293659 ngày 17/6/2015 đứng tên bà Nguyễn Thị H tại thửa đất số 02, tờ bản đồ số “00” với diện tích là 20,030,0m² (thửa đất này có diện tích 11.394,3m² nằm trong tổng số 37,9ha/22 hộ gia đình, cá nhân đã được UBND huyện K cấp GCNQSDĐ chồng lên phần diện tích đất đã được UBND tỉnh cho Công ty D thuê).

Sau khi bà Nguyễn Thị H được cấp GCNQSDĐ đối với diện tích đất nêu trên, gia đình bà Nguyễn Thị H đến UBND xã Đ1 đề nghị lập thủ tục cấp GCNQSDĐ (yêu cầu bằng lời, không có đơn đề nghị) đối với phần diện tích đất của gia đình liền kề với thửa đất số 02, tờ bản đồ số “00” (phía đối diện bên kia khe suối). UBND xã Đ1 chưa tiến hành đo đạc, lập hồ sơ cấp GCNQSDĐ theo đề nghị của gia đình bà H và UBND xã đã hướng dẫn gia đình liên hệ Ban quản lý thôn 12, xã Đ1 (nơi có đất) để đăng ký làm cơ sở tổng hợp nhu cầu cấp GCNQSDĐ trên địa bàn gửi Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện xây dựng phương án đo đạc, cấp GCNQSDĐ (lần đầu) cho các hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện theo kế hoạch được phân bổ chỉ tiêu hàng năm của huyện.

Đến ngày 12/01/2016, Ban tiếp công dân huyện K nhận được đơn khiếu nại của anh Nguyễn Hồng V, cư trú Thôn 14, xã Đ (đơn đề ngày 12/01/2015) với nội dung khiếu nại về việc chưa cấp GCNQSDĐ và nhận tiền trong quá trình làm thủ tục cấp bìa đỏ cho người dân. Ban tiếp công dân huyện đã chuyển đơn cho các cơ quan chuyên môn của huyện trả lời theo nội dung đơn của anh Nguyễn Hồng V.

Tháng 5/2016 gia đình bà Nguyễn Thị H tiếp tục đến UBND xã Đ1 đề nghị cấp GCNQSDĐ đối với diện tích đất sản xuất nông nghiệp còn lại của gia đình, UBND xã Đ1 đã phối hợp cùng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện tiến hành đo đạc thửa đất nêu trên. Qua đo đạc, thửa đất có diện tích 14.120,0m². UBND xã Đ1 đã chuyển đơn đăng ký, cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của gia đình bà H đến bộ phận một cửa của huyện. Theo nội dung đơn đăng ký, cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 20/5/2016, cho thấy:

- Về nguồn gốc đất: Do gia đình bà Nguyễn Thị H tự khai phá trong vùng dự án của Công ty D.

- Về tình trạng tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất: Không tranh chấp với các hộ gia đình, cá nhân xung quanh.

Sau khi Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện kiểm tra, chồng xếp diện tích đất nêu trên với bản đồ thuê đất của Công ty D cho thấy diện tích đất của gia đình bà Nguyễn Thị H nằm trong phần diện tích của Công ty D được UBND tỉnh Kon Tum cho thuê theo Quyết định số 1240/QĐ-UBND ngày 01/11/2006. Do vậy, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện, Phòng tài nguyên và môi trường huyện tham mưu UBND huyện không cấp GCNQSDĐ cho gia đình bà Nguyễn Thị H đối với phần diện tích 14.120,0m². Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện đã thông báo cho UBND xã Đ1 để thông báo cho gia đình bà Nguyễn Thị H được biết.

Ngày 22/8/2016, anh Nguyễn Hồng V có đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum về việc cố tình không cấp GCNQSDĐ và gây khó dễ kéo dài thời gian làm việc. UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở tài nguyên và môi trường giải quyết theo nội dung đơn. Theo đó, ngày 12/9/2016 Sở tài nguyên và môi trường phối hợp cùng UBND huyện K, UBND xã Đ1, Công ty D và gia đình anh Nguyễn Hồng V tiến hành kiểm tra hiện trạng, xác định vị trí đất thuộc khoảnh 7, tiểu khu 550, xã Đ1, huyện K, có diện tích 5,08 ha (gồm 4,5 ha nằm trong diện tích UBND tỉnh cho Công ty D thuê và 0,58 ha đất do UBND xã Đ1 quản lý), (Gia đình bà H, anh V không có đơn đăng ký, cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với phần diện tích đất nêu trên).

Đối với việc UBND huyện K đã cấp GCNQSDĐ cho một số hộ gia đình, cá nhân có đất sản xuất nông nghiệp gần vị trí đất gia đình bà Nguyễn Thị H do nguyên nhân: Trong quá trình đo đạc trên thực địa cán bộ thực hiện nhiệm vụ đo đạc lập hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình, cá nhân chưa đối soát với bản đồ thuê đất của Công ty cổ D dẫn đến việc tham mưu cấp GCNQSDĐ cho các hộ gia đình, cá nhân bị chồng một phần diện tích lên trên phần diện tích đất của Công ty D. Ngoài ra, Công ty D chưa cung cấp bản đồ khu vực thuê đất cho cơ quan chuyên môn và chính quyền địa phương nên cán bộ chuyên môn không có cơ sở để đối soát với vị trí đo, lập hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho các hộ dân. Sau khi nhận được Quyết định giải quyết khiếu nại của UBND tỉnh (Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 19/01/2017) và ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 1068/UBND-TD ngày 19/4/2017, UBND huyện K đang tiến hành xử lý.

Hiện nay, tại Quyết định 508/QĐ-UBND ngày 12/6/2017 UBND tỉnh đã quyết định thu hồi đất của Công ty D và giao đất cho UBND huyện K quản lý, bố trí sử dụng với diện tích 1.273.03 ha. Trong diện tích đất này có diện tích 4,5 ha đất của gia đình anh Nguyễn Hồng V). UBND huyện đang xây dựng kế hoạch sử dụng đất, khi có kinh phí Ủy ban nhân dân huyện sẽ tiến hành đo đạc, xác minh, rà soát đối với từng trường hợp cụ thể và sẽ cấp đất cho những hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện cấp đất.

Tại các bản tự khai, biên bản đối thoại và tại phiên tòa, người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần đầu tư phát triển D trình bày:

Công ty TNHH D (nay là Công ty cổ phần đầu tư phát triển D) được UBND tỉnh Kon Tum ra Quyết định số 1240/QĐ-UBND ngày 01/11/2006 về việc thu hồi và cho công ty thuê đất trồng cao su và trồng rừng sản xuất và được thuê theo Hợp đồng số 1173/HĐTĐ ngày 20/12/2006, được cấp GCNQSDĐ ngày 08/01/2007.

Sau khi thủ tục thuê đất xong, công ty tiến hành đầu tư thực hiện dự án thì có một số người dân địa phương xâm canh, lấn chiếm để sản xuất nông nghiệp trên phần đất của công ty (trong đó có bà Nguyễn Thị H là mẹ ruột của anh Nguyễn Hồng V).

Ngày 12/9/2016 tại xã Đ1, công ty đã kết hợp với Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Kon Tum, UBND huyện K, UBND xã Đ1 để kiểm tra, xác minh thực

địa đất của anh Nguyễn Hồng V đang canh tác, kết quả đất này thuộc đất của công ty, đất đã được UBND tỉnh thu hồi cho thuê nhưng anh Nguyễn Hồng V đã lấn chiếm để canh tác. Do đó, công ty đã yêu cầu cơ quan chức năng phối hợp với chính quyền địa phương thu hồi lại đất này để trả cho công ty.

Hiện nay, công ty đã làm việc với UBND tỉnh và thống nhất trả lại những phần đất mà công ty không sử dụng hết để cho UBND huyện có kế hoạch quản lý, bố trí sử dụng đất.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn I và bà Nguyễn Thị H (là người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị T) có ý kiến:

Quyền lợi của anh Nguyễn Văn I và chị Nguyễn Thị T là thống nhất với người khởi kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2017/HC-ST ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum đã quyết định:

Căn cứ vào quy định tại Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ vào quy định tại Điều 100, 101, 105 Luật Đất đai;

Căn cứ khoản 1 Điều 348 Luật tổ tụng hành chính; Điều 30, khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 204, 205, 206 Luật tổ tụng hành chính.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Hồng V theo đơn khởi kiện đề ngày 18/4/2017 và đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 27/4/2017.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 9/10/2017 người khởi kiện có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện cho rằng yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh Nguyễn

Hồng V là hợp lý cần được chấp nhận, do trước khi Công ty D thuê đất có thỏa thuận với các hộ dân để lại một phần diện tích đất để các hộ dân canh tác. Việc UBND huyện K cho rằng diện tích đất của anh V chồng lên đất của Công ty D là không đúng do tại thời điểm thuê đất có rất nhiều bản đồ, bản vẽ, nên cũng không xác định được diện tích đất công ty D được thuê. Mặt khác việc UBND tỉnh Kon Tum cho công ty D thuê đất rừng tự nhiên là không đúng pháp luật, những vấn đề này chưa được cấp sơ thẩm làm rõ, nên đề nghị HĐXX hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại, kể cả việc xem xét hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 30/QĐ-UBND ngày 19/01/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có quan điểm xác định các tài liệu chứng cứ tại hồ sơ vụ án thể hiện rất rõ việc chồng lấn giữa diện tích đất của công ty D được thuê và diện tích đất của gia đình anh V, do vậy không cần thiết phải hủy án sơ thẩm, đề nghị HĐXX bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án hành chính: Ngày 12/4/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum có Công văn số 980/UBND-TD trả lời đề ông Nguyễn Hồng V biết việc khiếu nại Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình anh đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum được giải quyết tại Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 19/01/2017. Không đồng ý với nội dung giải quyết nên ngày 18/4/2017, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Hồng V có đơn khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án về hành vi không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum, đây là hành vi hành chính trong lĩnh vực đất đai bị khởi kiện, do vậy căn cứ Điều 30, Điều 32, Luật tổ tụng hành chính năm 2015, Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Hồng V yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để buộc Ủy ban nhân dân huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà Nguyễn Thị H đối với diện tích đất đang sử dụng 5,08 ha tại

Khoảnh 7, xã Đ1, huyện K, tỉnh Kon Tum. Hội đồng xét xử thấy rằng, trong diện tích đất nêu trên, có 4,5 ha nằm trong diện tích đất mà Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum đã cho Công ty D thuê để trồng rừng sản xuất tại Quyết định số 1240/QĐ-UBND ngày 01/11/2006, được thể hiện tại Biên bản kiểm tra hiện trạng ngày 12/9/2016, phù hợp với việc anh Nguyễn Hồng V cũng thừa nhận tại biên bản lấy lời khai ngày 15/8/2017 (BL 129). Mặt khác diện tích đất này gia đình bà H không đăng ký kê khai trong quá trình sử dụng, do đó, căn cứ Điều 100, Điều 101 Luật Đất đai năm 2013, tại thời điểm này Ủy ban nhân dân huyện K không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà Nguyễn Thị H là đúng quy định pháp luật, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H là có căn cứ. Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện đề nghị hủy bản án sơ thẩm là không có cơ sở.

Với phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, bác kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Hồng V vì không có căn cứ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Do kháng cáo không được chấp nhận nên người khởi kiện bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Hồng V phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Việc luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện yêu cầu xem xét hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 30/QĐ-UBND ngày 19/01/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm theo Điều 220 Luật tổ tụng hành chính nên HĐXX không đề cập đến.

Bởi các lẽ trên,

Căn cứ Khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH

Bác kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Hồng V. Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 07/2017/HC-ST ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

Căn cứ vào quy định tại Điều 30; Điều 32; Điều 349 Luật Tổ tụng hành chính, Điều 100; 101; 105 Luật Đất đai. Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Hồng V theo đơn khởi kiện đề ngày 18/4/2017 và đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 27/4/2017.

Bà Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Hồng V phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, đã nộp tại biên lai thu số 0000499 ngày 19/10/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum.

Các quyết định khác còn lại của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; P.HCTP; LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Minh Tuấn